



CÔNG TY TNHH SX TM DV VIỆT KHUÔNG

ĐC: 103 Trần Thánh Tông, P.15, Q.Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh

MST: 0313928558

Email: vietkhuongelectric@gmail.com

Website: capdienvietkhuong.com

BẢNG GIÁ CADIVI

STT	TÊN SẢN PHẨM	ĐVT	ĐƠN GIÁ	
			CHƯA VAT	CÓ VAT
DÂY ĐƠN MỀM				
1	Dây Vcm 0.5	CUỘN	113.000	124.300
2	Dây Vcm 0.75	CUỘN	149.000	163.900
3	Dây Vcm 1.0	CUỘN	190.000	209.000
4	Dây Vcm 1.5	CUỘN	282.000	310.200
5	Dây Vcm 2.5	CUỘN	446.000	490.600
6	Dây Vcm 4	CUỘN	685.000	753.500
7	Dây Vcm 6	CUỘN	1.025.000	1.127.500
DÂY ĐÔI MỀM				
8	Dây VCcmd 2*0.5	CUỘN	214.000	235.400
9	Dây VCcmd 2*0.75	CUỘN	299.000	328.900
10	Dây VCcmd 2*1	CUỘN	382.000	420.200
11	Dây VCcmd 2*1.5	CUỘN	536.000	589.600
12	Dây VCcmd 2*2.5	CUỘN	870.000	957.000
CÁP ĐƠN CỨNG				
13	Dây CV 1.5	CUỘN	282.000	310.200
14	Dây CV 2.5	CUỘN	468.000	514.800
15	Dây CV 4	CUỘN	693.000	762.300
16	Dây CV 6	CUỘN	1.007.000	1.107.700
17	Dây CV 10	M	16.810	18.491
18	Dây CV 16	M	26.000	28.600
19	Dây CV 25	M	40.900	44.990
20	Dây CV 35	M	56.300	61.930
21	Dây CV 50	M	78.600	86.460
22	Dây CV 70	M	109.900	120.890
23	Dây CV 95	M	151.700	166.870
24	Dây CV 120	M	192.700	211.970
25	Dây CV 150	M	246.800	271.480
26	Dây CV 185	M	295.900	325.490
27	Dây CV 240	M	388.400	427.240
28	Dây CV 300	M	486.400	535.040
29	Dây CV 400	M	641.900	706.090
CÁP ĐIỆN HẠ THỂ 2 LỚP VỎ BỌC PVC				
	1 LỖI			
30	Dây CVV 1	M	3.370	3.707
31	Dây CVV 1.5	M	4.260	4.686
32	Dây CVV 2.5	M	5.970	6.567
33	Dây CVV 4	M	8.840	9.724
34	Dây CVV 6	M	12.110	13.321

35	Dây CVV 10	M	18.660	20.526
36	Dây CVV 16	M	28.000	30.800
37	Dây CVV 25	M	43.100	47.410
38	Dây CVV 35	M	58.300	64.130
39	Dây CVV 50	M	80.500	88.550
40	Dây CVV 70	M	111.800	122.980
41	Dây CVV 95	M	153.500	168.850
42	Dây CVV 120	M	193.900	213.290
43	Dây CVV 150	M	247.700	272.470
44	Dây CVV 185	M	296.600	326.260
45	Dây CVV 240	M	388.300	427.130
46	Dây CVV 300	M	485.800	534.380
47	Dây CVV 400	M	639.000	702.900
	2 LỖI			
48	Dây CVV 2*1.5	M	9.280	10.208
49	Dây CVV 2*2.5	M	13.470	14.817
50	Dây CVV 2*4	M	19.120	21.032
51	Dây CVV 2*6	M	26.000	28.600
52	Dây CVV 2*10	M	42.300	46.530
53	Dây CVV 2*16	M	66.100	72.710
54	Dây CVV 2*25	M	96.600	106.260
55	Dây CVV 2*35	M	128.000	140.800
56	Dây CVV 2*50	M	174.000	191.400
57	Dây CVV 2*70	M	238.900	262.790
58	Dây CVV 2*95	M	325.800	358.380
59	Dây CVV 2*120	M	411.600	452.760
60	Dây CVV 2*150	M	524.400	576.840
61	Dây CVV 2*185	M	627.100	689.810
62	Dây CVV 2*240	M	819.000	900.900
63	Dây CVV 2*300	M	1.024.300	1.126.730
64	Dây CVV 2*400	M	1.348.100	1.482.910
	3 LỖI			
65	Dây CVV 3*1.5	M	11.920	13.112
66	Dây CVV 3*2.5	M	17.480	19.228
67	Dây CVV 3*4	M	25.200	27.720
68	Dây CVV 3*6	M	35.600	39.160
69	Dây CVV 3*10	M	57.400	63.140
70	Dây CVV 3*16	M	90.700	99.770
71	Dây CVV 3*25	M	135.800	149.380
72	Dây CVV 3*35	M	181.600	199.760
73	Dây CVV 3*50	M	249.600	274.560
74	Dây CVV 3*70	M	343.900	378.290
75	Dây CVV 3*95	M	473.500	520.850
76	Dây CVV 3*120	M	596.500	656.150
77	Dây CVV 3*150	M	762.100	838.310
78	Dây CVV 3*185	M	911.800	1.002.980
79	Dây CVV 3*240	M	1.194.700	1.314.170
80	Dây CVV 3*300	M	1.492.100	1.641.310
81	Dây CVV 3*400	M	1.965.100	2.161.610
	4 LỖI			
82	Dây CVV 4*1.5	M	15.140	16.654
83	Dây CVV 4*2.5	M	22.300	24.530

84	Dây CVV 4*4	M	33.300	36.630
85	Dây CVV 4*6	M	47.000	51.700
86	Dây CVV 4*10	M	75.200	82.720
87	Dây CVV 4*16	M	117.000	128.700
88	Dây CVV 4*25	M	177.500	195.250
89	Dây CVV 4*35	M	239.200	263.120
90	Dây CVV 4*50	M	329.900	362.890
91	Dây CVV 4*70	M	456.700	502.370
92	Dây CVV 4*95	M	627.600	690.360
93	Dây CVV 4*120	M	793.400	872.740
94	Dây CVV 4*150	M	1.015.000	1.116.500
95	Dây CVV 4*185	M	1.213.800	1.335.180
96	Dây CVV 4*240	M	1.591.800	1.750.980
97	Dây CVV 4*300	M	1.990.600	2.189.660
98	Dây CVV 4* 400	M	2.621.400	2.883.540
	3 LỖI PHA + 1 LỖI NỐI ĐẤT			
99	Dây CVV 3*16+1*10	M	107.600	118.360
100	Dây CVV 3*25+1*16	M	162.300	178.530
102	Dây CVV 3*35+1*25	M	229.100	252.010
103	Dây CVV 3*50+1*25	M	292.000	321.200
104	Dây CVV 3*50+1*35	M	308.100	338.910
105	Dây CVV 3*70+1*35	M	402.700	442.970
106	Dây CVV 3*70+1*50	M	424.700	467.170
107	Dây CVV 3*95+1*50	M	554.200	609.620
108	Dây CVV 3*95+1*70	M	585.600	644.160
109	Dây CVV 3*120+1*70	M	709.200	780.120
110	Dây CVV 3*120+1*95	M	753.300	828.630
111	Dây CVV 3*150+1*70	M	877.000	964.700
112	Dây CVV 3*150+1*95	M	919.500	1.011.450
113	Dây CVV 3*185+1*95	M	1.068.800	1.175.680
114	Dây CVV 3*185+1*120	M	1.110.200	1.221.220
115	Dây CVV 3*240+1*150	M	1.448.700	1.593.570
116	Dây CVV 3*240+1*185	M	1.498.100	1.647.910
117	Dây CVV 3*300+1*150	M	1.749.100	1.924.010
118	Dây CVV 3*300+1*185	M	1.798.800	1.978.680
119	Dây CVV 3*400+1*185	M	2.271.500	2.498.650
120	Dây CVV 3*400+1*240	M	2.364.500	2.600.950
CÁP ĐIỆN HẠ THỂ 2 LỚP VỎ BỌC XLPE/PVC				
	1 LỖI			
121	Dây CXV 1	M	3.390	3.729
122	Dây CXV 1.5	M	4.280	4.708
123	Dây CXV 2.5	M	6.000	6.600
124	Dây CXV 4	M	8.880	9.768
125	Dây CXV 6	M	12.170	13.387
126	Dây CXV 10	M	18.750	20.625
127	Dây CXV 16	M	28.100	30.910
128	Dây CXV 25	M	43.300	47.630
129	Dây CXV 35	M	58.600	64.460
130	Dây CXV 50	M	80.900	88.990
131	Dây CXV 70	M	112.400	123.640
132	Dây CXV 95	M	154.300	169.730
133	Dây CXV 120	M	194.900	214.390

134	Dây CXV 150	M	248.900	273.790
135	Dây CXV 185	M	298.100	327.910
136	Dây CXV 240	M	390.200	429.220
137	Dây CXV 300	M	488.200	537.020
138	Dây CXV 400	M	642.200	706.420
	2 LỖI			
139	Dây CXV 2*1.5	M	10.960	12.056
140	Dây CXV 2*2.5	M	15.130	16.643
141	Dây CXV 2*4	M	22.000	24.200
142	Dây CXV 2*6	M	29.300	32.230
143	Dây CXV 2*10	M	44.000	48.400
144	Dây CXV 2*16	M	66.400	73.040
145	Dây CXV 2*25	M	97.100	106.810
146	Dây CXV 2*35	M	128.600	141.460
147	Dây CXV 2*50	M	174.900	192.390
148	Dây CXV 2*70	M	240.100	264.110
149	Dây CXV 2*95	M	327.400	360.140
150	Dây CXV 2*120	M	413.700	455.070
151	Dây CXV 2*150	M	527.000	579.700
152	Dây CXV 2*185	M	630.200	693.220
153	Dây CXV 2*240	M	823.100	905.410
154	Dây CXV 2*300	M	1.029.400	1.132.340
155	Dây CXV 2*400	M	1.354.800	1.490.280
	3 LỖI			
156	Dây CXV 3*1.5	M	13.890	15.279
157	Dây CXV 3*2.5	M	19.310	21.241
158	Dây CXV 3*4	M	28.400	31.240
159	Dây CXV 3*6	M	38.700	42.570
160	Dây CXV 3*10	M	59.500	65.450
161	Dây CXV 3*16	M	91.200	100.320
162	Dây CXV 3*25	M	136.500	150.150
163	Dây CXV 3*35	M	182.500	200.750
164	Dây CXV 3*50	M	250.800	275.880
165	Dây CXV 3*70	M	345.600	380.160
166	Dây CXV 3*95	M	475.900	523.490
167	Dây CXV 3*120	M	599.500	659.450
168	Dây CXV 3*150	M	765.900	842.490
169	Dây CXV 3*185	M	916.400	1.008.040
170	Dây CXV 3*240	M	1.200.700	1.320.770
171	Dây CXV 3*300	M	1.499.600	1.649.560
172	Dây CXV 3*400	M	1.974.900	2.172.390
	4 LỖI			
173	Dây CXV 4*1.5	M	17.380	19.118
174	Dây CXV 4*2.5	M	24.400	26.840
175	Dây CXV 4*4	M	36.600	40.260
176	Dây CXV 4*6	M	50.300	55.330
177	Dây CXV 4*10	M	77.800	85.580
178	Dây CXV 4*16	M	117.600	129.360
179	Dây CXV 4*25	M	178.400	196.240
180	Dây CXV 4*35	M	240.400	264.440
181	Dây CXV 4*50	M	331.500	364.650
182	Dây CXV 4*70	M	459.000	504.900

183	Dây CXV 4*95	M	630.700	693.770
184	Dây CXV 4*120	M	797.400	877.140
185	Dây CXV 4*150	M	1.020.100	1.122.110
186	Dây CXV 4*185	M	1.219.900	1.341.890
187	Dây CXV 4*240	M	1.599.800	1.759.780
188	Dây CXV 4*300	M	2.000.600	2.200.660
189	Dây CXV 4* 400	M	2.634.500	2.897.950
	3 LỖI PHA + 1 LỖI NỐI ĐẤT			
190	Dây CXV 3*16+1*10	M	108.100	118.910
191	Dây CXV 3*25+1*16	M	163.100	179.410
192	Dây CXV 3*35+1*25	M	230.200	253.220
193	Dây CXV 3*50+1*25	M	293.500	322.850
194	Dây CXV 3*50+1*35	M	309.600	340.560
195	Dây CXV 3*70+1*35	M	404.700	445.170
196	Dây CXV 3*70+1*50	M	426.800	469.480
197	Dây CXV 3*95+1*50	M	557.000	612.700
198	Dây CXV 3*95+1*70	M	588.500	647.350
199	Dây CXV 3*120+1*70	M	712.700	783.970
200	Dây CXV 3*120+1*95	M	757.100	832.810
201	Dây CXV 3*150+1*70	M	881.400	969.540
202	Dây CXV 3*150+1*95	M	924.100	1.016.510
203	Dây CXV 3*185+1*95	M	1.074.100	1.181.510
204	Dây CXV 3*185+1*120	M	1.115.800	1.227.380
205	Dây CXV 3*240+1*150	M	1.455.900	1.601.490
206	Dây CXV 3*240+1*185	M	1.505.600	1.656.160
207	Dây CXV 3*300+1*150	M	1.757.800	1.933.580
208	Dây CXV 3*300+1*185	M	1.807.800	1.988.580
209	Dây CXV 3*400+1*185	M	2.282.900	2.511.190
210	Dây CXV 3*400+1*240	M	2.376.300	2.613.930